KienlongBank

CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023)

KienlongBank

MỤC LỤC

I.	**NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**	Trang 1
II.	**PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN**	Trang 1
III.	**CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ**	Trang 2
IV.	**TỶ LỆ AN TOÀN VỐN**	Trang 2-3
V.	**RỦI RO TÍN DỤNG**	Trang 3
VI.	**RỦI RO HOẠT ĐỘNG**	Trang 6-7
VII.	**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**	Trang 8-9

I. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG (KienlongBank).

- Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Điện thoại: (0297) 3869 950 hoặc (028) 3933 3393.

2. Phạm vi công bố thông tin

- Thực hiện theo nội dung quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ("Thông tư 41") quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, KienlongBank công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại ngày 31/12/2025 phù hợp với quy định tại Thông tư 41 và quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của KienlongBank.

- KienlongBank công bố thông tin toàn diện, bao gồm thông tin định tính và định lượng, định kỳ 6 tháng một lần theo năm tài chính trên website của KienlongBank.

- Mục tiêu của việc công bố thông tin là cung cấp cho các bên liên quan thông tin minh bạch về trạng thái vốn, giá trị chịu rủi ro và chính sách quản lý rủi ro của KienlongBank.

3. Tỷ lệ an toàn vốn tại 31/12/2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị riêng lẻ	Giá trị hợp nhất
I	**Tổng giá trị Tài sản có rủi ro**	**86.293.690**	**85.838.820**
II	**Tổng vốn hợp lệ**	**12.308.520**	**12.342.275**
1	Vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	8.382.746	8.416.502
2	Vốn cấp 2 (sau các khoản trừ)	3.925.774	3.925.774
3	Các khoản giảm trừ khác	-	-
III	**Các tỷ lệ an toàn vốn**		
1	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 (%)	9,71	9,81
2	Tỷ lệ an toàn vốn (%)	14,26	14,38

II. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn (CAR) riêng lẻ và hợp nhất KienlongBank tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thông tin được công bố phù hợp với nội dung quy định theo Thông tư 41.

Tại ngày 31/12/2025, KienlongBank có 01 công ty con được hợp nhất khi tính CAR hợp nhất như sau:

Bảng 1: Danh sách công ty con

Tên công ty	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn cổ phần và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long (Công ty KBA)	500.000	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Công ty trên thuộc đối tượng hợp nhất theo nguyên tắc hợp nhất của pháp luật về kế toán và báo cáo tài chính.

KienlongBank không có công ty con là công ty bảo hiểm khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất theo quy định.

III. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

Thành phần chính Vốn tự có của KienlongBank bao gồm:

❖ Cấu phần chính của Vốn cấp 1:

- Vốn điều lệ.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.
- Quỹ dự phòng tài chính.
- Lợi nhuận chưa phân phối.

❖ Cấu phần chính của Vốn cấp 2:

- 80% dự phòng chung theo quy định của NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Nợ thứ cấp do ngân hàng phát hành, ký kết (đáp ứng các điều kiện theo Phụ lục 1 - Thông tư 41).

❖ Các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có (Phần vốn góp vào công ty KBA khi tính Vốn tự có riêng lẻ).

❖ Thông tin về các cấu phần Vốn cấp 1, Vốn cấp 2, giá trị các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có riêng lẻ và Vốn tự có hợp nhất của KienlongBank tính đến ngày 31/12/2025 như sau:

Bảng 2: Cấu phần vốn tự có

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Cấu phần vốn tự có	Riêng lẻ	Hợp nhất
1	Vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	8.382.746	8.416.502
2	Vốn cấp 2 (sau các khoản trừ)	3.925.774	3.925.774
3	Khoản giảm trừ khỏi vốn tự có khác	-	-
*	**Vốn tự có = (1) + (2) - (3)**	**12.308.520**	12.342.275

IV. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

1. Nội dung định tính

- Thông tin về quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn:

KienlongBank đã ban hành các văn bản nội bộ liên quan về tỷ lệ an toàn vốn theo quy định Thông tư 41. KienlongBank đã có quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, phương pháp đo lường an toàn vốn, hệ thống công nghệ thông tin tính tỷ lệ an toàn vốn, việc báo cáo tỷ lệ an toàn vốn được kiểm soát, phê duyệt và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (NHNN) theo quy định.

- Kế hoạch vốn nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn theo quy định:

KienlongBank đã văn bản hóa các quy định liên quan tới hoạt động quản lý vốn, định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết, KienlongBank xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với kế

hoạch hoạt động kinh doanh và chiến lược hoạt động từng giai đoạn để luôn đảm bảo tuân thủ CAR theo quy định của NHNN.

2. Nội dung định lượng

Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Riêng lẻ	Hợp nhất
A	**Tài sản có rủi ro**		
A1	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	77.584.023	77.081.282
A2	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	192.804	192.804
A3	Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động	620.510	624.340
A4	Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường	60.839	60.839
A5	Tổng giá trị Tài sản có rủi ro A5 = A1 + A2 + 12,5 x (A3 + A4)	86.293.690	85.838.820
B	**Vốn và các khoản trừ**		
1	**Các khoản trừ**		
1.1	Các khoản trừ khỏi vốn cấp 1	34.200	34.200
1.2	Các khoản trừ khỏi vốn cấp 2	-	-
1.3	Các khoản trừ khác	-	-
B1	Tổng	34.200	34.200
2	**Vốn hợp lệ**		
2.1	Vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	8.382.746	8.416.502
2.2	Vốn cấp 2 (sau các khoản trừ)	3.925.774	3.925.774
B2	Tổng vốn hợp lệ = (2.1)+(2.2)-(1.3)	12.308.520	12.342.275
C	**Yêu cầu vốn tối thiểu và các tỷ lệ vốn**		
1	**Yêu cầu vốn tối thiểu**		
C1	Yêu cầu vốn tối thiểu: C1 = 8% x A5	6.903.495	6.867.106
2	**Các tỷ lệ an toàn vốn**		
C2	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1: C2 = (2.1) / A5 x 100%	9,71	9,81
C3	Tỷ lệ an toàn vốn: C3 = B2 / A5 x 100%	14,26	14,38

V.RỦI RO TÍN DỤNG

1. Nội dung định tính

Rủi ro tín dụng (RRTD) là một trong những rủi ro trọng yếu của Ngân hàng, do vậy nhằm quản lý và giảm thiểu RRTD, ngoài việc xây dựng Quy chế Khung Quản lý rủi ro nói chung, KienlongBank đã ban hành Quy chế Quản lý rủi ro tín dụng trong đó quy định nội dung cơ bản nhằm đảm bảo kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong từng nghiệp vụ của hoạt động cấp tín dụng và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN, cụ thể:

- Mục tiêu chính sách QLRRTD:

+ Xác lập khuôn khổ thống nhất về cơ chế quản lý, công cụ đo lường và các giới hạn kiểm soát rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng.

+ Bảo đảm an toàn, giảm thiểu đến mức thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động tín dụng.

- Nguyên tắc quản lý RRTD: Quản lý RRTD được thực hiện trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và quy định của Pháp luật có liên quan.

- Tuân thủ các bước trong quy trình quản lý rủi ro:

+ Nhận dạng: Nhận dạng đầy đủ RRTD, nguy cơ gây ra rủi ro và xác định nguyên nhân gây ra rủi ro đó trong hoạt động kinh doanh của KienlongBank.

+ Đo lường: Đo lường kịp thời, chính xác mức độ rủi ro (cao, trung bình, thấp) trên cơ sở xác định tần suất và mức độ tác động ngắn hạn, dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, tỷ lệ an toàn vốn và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của KienlongBank.

+ Theo dõi: Thực hiện theo dõi trạng thái rủi ro và đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm các hạn mức rủi ro, hạn chế để đảm bảo trong hoạt động.

+ Kiểm soát: Thực hiện kiểm soát các trạng thái rủi ro, giao dịch, hoạt động theo các hạn mức rủi ro tương ứng, có các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời các rủi ro.

+ Báo cáo: Thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái RRTD, về hiệu quả các biện pháp kiểm soát RRTD cho cấp có thẩm quyền và các bên có liên quan theo quy định của KienlongBank để có quyết định phù hợp, hạn chế RRTD và nâng cao hiệu quả công tác quản lý RRTD tại KienlongBank.

KienlongBank đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng để điều chỉnh giảm giá trị khoản phải đòi bằng một hoặc kết hợp các biện pháp sau:

+ Tài sản bảo đảm;

+ Bù trừ số dư nội bảng (Bù trừ số dư tiền gửi của khách hàng tại KienlongBank);

+ Bảo lãnh của bên thứ ba (Hiện chưa phát sinh);

+ Công cụ phái sinh tín dụng (Hiện chưa phát sinh).

2. Nội dung định lượng

a. Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng riêng lẻ/ hợp nhất theo kết quả xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn.

Bảng 4: Tài sản có rủi ro tín dụng theo xếp hạng tín nhiệm độc lập

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Xếp hạng của Fitch Rating, Standard & Poor's	Xếp hạng của Moody's	RWA của khoản phải đòi tổ chức tài chính nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam	RWA của khoản phải đòi tổ chức tín dụng trong nước
1	AAA, AA+, AA, AA-	Aaa, Aa1, Aa2, Aa3	-	-
2	A+, A, A-	A1, A2, A3	1.604	-
3	BBB+, BBB, BBB-	Baa1, Baa2, Baa3	72	-
4	BB+, BB, BB-	Ba1, Ba2, Ba3	-	111.626
5	B+, B, B-	B1, B2, B3	-	136.946
6	Thứ hạng thấp hơn B-, Không có xếp hạng	Thứ hạng thấp hơn B3, Không có xếp hạng	144.056	86.461
*	**Tổng cộng**		145.732	335.033
				480.765

b. Tài sản có rủi ro tín dụng (gồm nội bảng và ngoại bảng)

b.1 Tài sản có rủi ro tính theo rủi ro tín dụng theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư 41 như sau:

Bảng 5: Tài sản có rủi ro tính theo rủi ro tín dụng theo đối tượng, hệ số rủi ro

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tài sản có rủi ro tín dụng	RWA Riêng lẻ	RWA Hợp nhất
1	Khoản phải đòi chính phủ	-	-
2	Khoản phải đòi định chế tài chính	480.765	480.765
3	Khoản phải đòi doanh nghiệp	57.038.000	57.038.000
4	Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	4.707.170	4.707.170
5	Khoản cho vay thế chấp nhà ở	565.907	565.907
5b	Cho vay nông nghiệp, nông thôn	3.286.715	3.286.715
6	Khoản phải đòi bán lẻ	5.233.445	5.233.445
7	Nợ xấu	678.514	678.514
8	Các loại tài sản khác	5.593.507	5.090.766
*	**Tổng cộng**	**77.584.023**	**77.081.282**

b.2 Tài sản tính theo rủi ro tín dụng phân theo ngành nghề của các khoản cho vay đối với khách hàng như sau:

Bảng 6: Tài sản có rủi ro tính theo tín dụng theo ngành nghề

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành nghề kinh tế	RWA riêng lẻ	RWA hợp nhất
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.112.314	2.112.314
2	Khai khoáng	6.279	6.279
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	490.669	490.669
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí	609	609
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	5.408	5.408
6	Xây dựng	32.440.663	32.440.663
7	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	15.260.654	15.260.654
8	Vận tải kho bãi	22.124	22.124
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.288.739	1.288.739
10	Thông tin và truyền thông	2.531	2.531
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	6.083	6.083
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	6.355.491	6.355.491
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	7.723	7.723
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	24.732	24.732
15	Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	-
16	Giáo dục và đào tạo	28.020	28.020
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	22.083	22.083
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	5.068	5.068
19	Hoạt động dịch vụ khác	376.757	376.757

STT	Ngành nghề kinh tế	RWA riêng lẻ	RWA hợp nhất
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.382.352	5.382.352
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-
	Tổng cộng	**63.838.301**	**63.838.301**

b3. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng (giá trị trước và sau khi giảm thiểu) theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định tại Điều 11 Thông tư 41 như sau:

Bảng 7: Tài sản có rủi ro tín dụng theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu		Riêng lẻ	Hợp nhất
1	Giá trị tài sản/ khoản phải đòi trước giảm thiểu rủi ro		107.976.914	108.229.655
2	Biện pháp giảm thiểu rủi ro	Tài sản đảm bảo	16.013.748	16.013.748
		Bù trừ số dư nội bảng	5.907.666	5.907.666
		Bảo lãnh của bên thứ 3		
		Phái sinh tín dụng		
3	Giá trị tài sản/ khoản phải đòi sau giảm thiểu rủi ro		89.257.680	89.510.421
4	Tài sản có rủi ro tín dụng (RWA)		77.584.023	77.331.282

Ghi chú: Giá trị khoản phải đòi bao gồm số dư ngoại bảng đã được chuyển đổi theo hệ số chuyển đổi.

c. Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác

Bảng 8: Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tài sản có rủi ro tín dụng	RWA Riêng lẻ	RWA Hợp nhất
1	Giao dịch tự doanh	192.804	192.804
2	Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	-	-
3	Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	-	-
4	Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác quy định tại mục d khoản 32 Điều 2 Thông tư 41	-	-
*	**Tổng cộng**	**192.804**	**192.804**

VI.RỦI RO HOẠT ĐỘNG

1. Nội dung định tính

- KienlongBank đã xây dựng, triển khai và duy trì chính sách QLRRHĐ phù hợp với đặc thù hoạt động và yêu cầu trong điều kiện hiện tại.

- Mô hình tổ chức bộ máy quản lý rủi ro hoạt động của KienlongBank được thiết lập tương ứng với quy mô, mức độ phức tạp và phù hợp với hoạt động kinh doanh nhằm tạo điều kiện giám sát, vận hành hiệu quả. Bao gồm:

+ Tuyến bảo vệ thứ nhất: Các Chi nhánh/Phòng Giao dịch, các Phòng/Ban/Trung tâm quản lý và hỗ trợ kinh doanh trực tiếp chịu trách nhiệm chủ động quản lý và kiểm soát rủi ro hoạt động tại Đơn vị mình phụ trách;

+ Tuyến bảo vệ thứ hai: Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Pháp chế tuân thủ thực hiện quản lý rủi ro hoạt động tập trung toàn hệ thống KienlongBank, thiết lập, đánh giá, giám sát việc thực hiện công tác quản lý rủi ro hoạt động;

+ Tuyến bảo vệ thứ ba: Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý rủi ro hoạt động tại KienlongBank.

- KienlongBank xác định, đánh giá và kiểm soát rủi ro hoạt động trong tất cả các sản phẩm, quy trình hoạt động của KienlongBank, bao gồm cả hoạt động thuê ngoài và các hoạt động, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hệ thống mới.

- KienlongBank sử dụng các phương pháp tiếp cận và công cụ quản lý rủi ro hoạt động theo các mô hình phổ biến, được chấp nhận rộng rãi và hướng đến phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

- KienlongBank đã xây dựng và dần hoàn thiện văn hóa quản lý rủi ro trong mọi sản phẩm, dịch vụ và trong quá trình xử lý, thực hiện các hoạt động hàng ngày.

- KienlongBank đã xây dựng và ban hành Quy định kế hoạch duy trì hoạt động liên tục nhằm:

+ Xác lập trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan trong việc duy trì hoạt động liên tục, quản lý khủng hoảng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh và danh tiếng của KienlongBank, đáp ứng nhu cầu quản lý và mang lại các giá trị cho KienlongBank trong trường hợp xảy ra sự cố.

+ KienlongBank đưa ra các nguyên tắc và xác định các kế hoạch ứng phó để duy trì hoạt động liên tục nhằm đảm bảo kế hoạch hoạt động của KienlongBank không bị gián đoạn.

+ Việc xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục giúp cho hoạt động của KienlongBank luôn được thông suốt khi có sự cố sẽ kịp thời điều chỉnh các hoạt động quản lý, sử dụng nguồn lực, xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện để triển khai các phương án dự phòng hoặc đưa cơ sở dự phòng vào hoạt động thay thế cho cơ sở chính, ngoài ra các sự cố liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, các sự cố liên quan đến khủng hoảng thông tin/khủng hoảng truyền thông/thông tin bất lợi trên các phương tiện thông tin đại chúng, các sự cố rủi ro liên quan đến khủng hoảng thanh khoản, …

2. Nội dung định lượng

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 03 năm gần nhất theo quy định tại Phụ lục 03 - Thông tư 41, cụ thể số liệu như sau:

Bảng 9: Cấu phần vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ	Hợp nhất
1	Cấu phần IC	2.977.438	2.998.967
2	Cấu phần SC	1.013.854	1.017.888
3	Cấu phần FC	145.444	145.413
4	Chỉ số kinh doanh: BI = IC + SC + FC	4.136.736	4.162.268
*	**Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động:** Kor = BI x 15%	**620.510**	**624.340**

VII. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

1. Nội dung định tính

KienlongBank hướng tới việc quản lý tất cả các loại rủi ro thị trường (gồm: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối, rủi ro giá cổ phiếu và rủi ro giá hàng hóa) có thể xảy ra, trong đó tập trung quản lý đối với các rủi ro thị trường trọng yếu. KienlongBank ưu tiên xử lý các rủi ro thị trường được phân loại cao trước và xử lý các rủi ro thị trường được phân loại thấp sau.

KienlongBank thực hiện quản lý rủi ro thị trường trong điều kiện bình thường và điều kiện thị trường biến động mạnh.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường được quy định đầy đủ trong các văn bản quy phạm nội bộ của KienlongBank, cụ thể như sau:

- Chiến lược tự doanh của KienlongBank đối với từng loại tiền tệ, công cụ tài chính, sản phẩm phái sinh, đảm bảo không bị hạn chế về mua, bán hoặc có khả năng phòng ngừa được rủi ro thực hiện theo Quy định chiến lược tự doanh;
- Các hạn mức rủi ro thị trường tại KienlongBank (mức cắt lỗ, mức hiện thực hóa lãi, hạn mức tự doanh cho giao dịch viên, hạn mức về đồng tiền, hạn mức tập trung, thời hạn nắm giữ tối đa...) được thực hiện và rà soát, đánh giá tối thiểu một năm một lần hoặc vào thời điểm có thay đổi lớn ảnh hưởng tới trạng thái rủi ro thị trường;
- Quy trình quản lý trạng thái rủi ro thị trường;
- Quy định về điều kiện, tiêu chí ghi nhận các khoản mục trên sổ kinh doanh và chuyển các khoản mục giữa sổ kinh doanh và sổ ngân hàng;
- Áp dụng phương pháp đo lường rủi ro thị trường (trong đó mô tả đầy đủ các giả định và các tham số được sử dụng) và rà soát, đánh giá phương pháp đo lường rủi ro thị trường hàng năm hoặc khi có thay đổi bất thường ảnh hưởng tới trạng thái rủi ro thị trường;
- Có quy trình giám sát các trạng thái rủi ro và việc tuân thủ các hạn mức rủi ro thị trường theo chiến lược tự doanh của KienlongBank.

2. Nội dung định lượng

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường tại KienlongBank bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối được tính toán theo quy định tại Thông tư 41. Cụ thể số liệu như sau:

Bảng 10: Cấu phần vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ	Hợp nhất
1	Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	-	-
2	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	60.839	60.839
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-
5	Vốn yêu cầu cho rủi ro các giao dịch quyền chọn	-	-
*	**Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường**	**60.839**	**60.839**

Rạch Giá, ngày 18 tháng 3 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG

Trần Hồng Minh